

TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ XUẤT BẢN TẠP CHÍ KHOA HỌC
Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ
VÀ HỘI NHẬP HỌC THUẬT

ORGANIZATION AND GOVERNANCE OF SCIENTIFIC JOURNAL PUBLISHING
IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION
AND ACADEMIC INTEGRATION

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG, nttphuong@iemh.edu.vn
Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 28/11/2025 Ngày nhận lại: 12/12/2025 Duyệt đăng: 18/12/2025 Mã số: TCKH-S05T12-2025-B07 ISSN: 2354 - 0788 Từ khóa: <i>Xuất bản khoa học, quản trị tạp chí, phản biện học thuật, chuyển đổi số, lập chỉ mục.</i> Keywords: <i>Scholarly publishing, journal governance, peer review, digital transformation, indexing.</i>	Bài báo tập trung phân tích mô hình tổ chức và vận hành của các tạp chí khoa học tại Việt Nam trước yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập học thuật quốc tế. Trên cơ sở tiếp cận nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp phân tích văn bản chính sách, khảo sát đội ngũ Ban Biên tập, tác giả và quan sát hệ thống xuất bản trực tuyến, nghiên cứu đề xuất khung phân tích gồm bốn nhóm tiêu chí: (i) cấu trúc tổ chức tòa soạn; (ii) quy trình tiếp nhận, phản biện và biên tập; (iii) mức độ chuẩn hóa bài báo và siêu dữ liệu; (iv) hạ tầng số và năng lực hội nhập. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn tạp chí khoa học trong nước chưa đáp ứng đầy đủ và đồng bộ các yêu cầu của các hệ thống đánh giá khu vực và quốc tế như VCI, ACI hay Scopus. Những hạn chế chủ yếu xuất phát từ mức độ chuyên nghiệp hóa còn thấp, quy trình bình duyệt thiếu chuẩn hóa, siêu dữ liệu chưa thống nhất và hạ tầng số chưa hoàn thiện. Từ đó, bài báo đề xuất một số định hướng cải thiện nhằm thu hẹp khoảng cách giữa thực tiễn xuất bản khoa học tại Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng và uy tín của tạp chí khoa học trong bối cảnh hội nhập. ABSTRACT This article analyzes the organizational and operational models of scientific journals in Vietnam in response to the demands of digital transformation and international academic integration. Adopting a mixed-methods approach that combines policy document analysis, surveys of editorial board members and authors, and observations of online publishing systems, the study proposes an analytical framework comprising four groups of criteria: (i) editorial organizational structure; (ii) manuscript submission,

peer-review, and editorial workflows; (iii) the level of standardization of articles and metadata; and (iv) digital infrastructure and capacity for academic integration. The findings indicate that the majority of Vietnamese scientific journals have not yet fully and consistently met the requirements of regional and international evaluation systems such as VCI, ACI, and Scopus. The main limitations stem from a low level of professionalization, insufficient standardization of peer-review processes, inconsistent metadata practices and underdeveloped digital infrastructure. Based on these findings, the article proposes several directions for improvement aimed at narrowing the gap between current scholarly publishing practices in Vietnam and international standards, thereby enhancing the quality and credibility of scientific journals in the context of global academic integration.

1. Giới thiệu

Trong hệ sinh thái khoa học hiện đại, tạp chí khoa học giữ vai trò trung tâm trong việc bảo đảm chất lượng nghiên cứu, xác lập chuẩn mực học thuật và lan tỏa tri thức. Cùng với xu thế quốc tế hóa và số hóa hoạt động nghiên cứu, các tạp chí khoa học không chỉ là kênh công bố kết quả nghiên cứu mà còn là một thiết chế học thuật đòi hỏi quản trị chuyên nghiệp, minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế (Đào Ngọc Vinh, 2020; Phạm Thị Hạnh, 2021). Tại Việt Nam, số lượng tạp chí khoa học tăng nhanh trong hai thập niên gần đây. Tuy nhiên, số tạp chí được công nhận bởi các hệ thống chỉ mục khu vực và quốc tế còn rất hạn chế. Thực tiễn này cho thấy tồn tại khoảng cách đáng kể giữa mô hình tổ chức, quy trình xuất bản của các tạp chí trong nước với yêu cầu của hệ sinh thái xuất bản học thuật toàn cầu (Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia, 2022).

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự hình thành các khung tiêu chí, chính sách mới đối với tạp chí khoa học, yêu cầu nâng cao mức độ minh bạch, chuẩn hóa kỹ thuật và năng lực hội nhập ngày càng trở nên cấp thiết. Vì vậy, bài báo hướng tới việc phân tích thực trạng tổ chức và quản trị xuất bản tạp chí khoa học ở Việt Nam, đối sánh với các chuẩn mực quốc tế, qua đó đề xuất một số định hướng cải thiện phù hợp.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo phương pháp hỗn hợp nhằm bảo đảm tính toàn diện trong việc phân tích thực trạng tổ chức xuất bản tạp chí khoa học. Cách tiếp cận này cho phép kết hợp ưu thế của phân tích định tính và dữ liệu khảo sát định lượng, từ đó làm rõ cả khía cạnh cấu trúc tổ chức lẫn cách thức vận hành thực tiễn.

Về phương pháp định tính, tác giả tiến hành phân tích các văn bản chính sách, tiêu chí đánh giá và hướng dẫn xuất bản của các hệ thống liên quan đến tạp chí khoa học, bao gồm tiêu chí của VCI, ACI, các khuyến nghị của COPE và một số yêu cầu kỹ thuật phổ biến của các cơ sở dữ liệu quốc tế. Đồng thời, nghiên cứu quan sát trực tiếp hoạt động của hệ thống xuất bản tại một số tạp chí khoa học tiêu biểu, tập trung vào quy trình tiếp nhận bài, điều phối phản biện, biên tập bản thảo và công bố trực tuyến.

Về phương pháp định lượng, khảo sát được thực hiện với 18 thành viên Ban Biên tập và 30 tác giả đã từng công bố bài báo trong các tạp chí thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục và khoa học xã hội. Nội dung khảo sát tập trung vào bốn nhóm vấn đề: mô hình tổ chức tòa soạn, quy trình phản biện - biên tập, mức độ chuẩn hóa bài báo và khả năng ứng dụng hạ tầng số. Dữ liệu thu thập được tổng hợp và phân tích

theo các nhóm chủ đề, phục vụ cho việc đối chiếu với các tiêu chí chuẩn quốc tế.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng tổ chức tòa soạn tạp chí khoa học

Tạp chí khoa học tại Việt Nam phần lớn vẫn vận hành theo mô hình truyền thống, gồm Tổng Biên tập, các Phó Tổng Biên tập, Hội đồng Biên tập, Thư ký khoa học và nhóm biên tập viên chuyên ngành. Quy trình xử lý bài: tiếp nhận → sàng lọc → phản biện → biên tập → xuất bản. Mặc dù bộ máy này đảm bảo chức năng cơ bản của tòa soạn nhưng nguồn nhân lực chuyên trách cho từng khâu trong quy trình xuất bản hiện đại vẫn còn hạn chế (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024). Mức độ chuyên nghiệp hóa trong mô hình tổ chức tòa soạn còn thấp. Điểm trung bình đánh giá từ thành viên Ban Biên tập chỉ đạt 3.02/5, phản ánh sự thiếu tách bạch vai trò, đặc biệt ở các vị trí: điều phối phản biện, biên tập kỹ thuật và quản trị dữ liệu số. Sự thiếu chuyên môn hóa trong tổ chức tòa soạn dẫn đến việc phân bổ nhiệm vụ chưa hợp lý, làm giảm hiệu quả vận hành. Nhiều khâu then chốt của quy trình xuất bản như kiểm tra tương đồng, chuẩn hóa bản thảo hay quản lý dữ liệu số chưa được tổ chức thành các vị trí chuyên trách (Đình Văn Phúc, 2022). Hơn 72% thành viên Ban Biên tập cho biết họ kiêm nhiệm nhiều chức năng, nhiệm vụ dẫn đến khó bảo đảm tiến độ tạo ra những điểm nghẽn trong kiểm soát chất lượng và kéo dài thời gian xử lý bài. Mô hình này khác biệt đáng kể so với khuyến nghị của COPE và chuẩn quốc tế, vốn yêu cầu phân tách rõ giữa các vai trò nhằm tránh xung đột lợi ích và tăng cường trách nhiệm giải trình.

Bên cạnh đó, mức độ quốc tế hóa trong cơ cấu Hội đồng Biên tập còn hạn chế, chưa đáp ứng các khuyến nghị phổ biến của các hệ thống đánh giá khu vực và quốc tế. Tỷ lệ thành viên quốc tế trong Hội đồng Biên tập thấp (dưới 10% ở cả ba tạp chí khảo sát), thấp hơn mức tối thiểu 20 - 30% theo chuẩn ACI. Điều này ảnh hưởng tới tính đa dạng học thuật và khả năng mở rộng

mạng lưới tác giả quốc tế. Mức độ quốc tế hóa thấp cũng là nguyên nhân khiến nhiều tạp chí chưa đáp ứng tiêu chí xét duyệt vào các hệ chỉ mục khu vực.

3.2. Quy trình tiếp nhận, phản biện và biên tập bản thảo

Về mặt hình thức, đa số tạp chí khoa học tại Việt Nam đều công bố quy trình tiếp nhận và phản biện bài báo trên website. Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy quá trình triển khai trên thực tế còn mang tính thủ công và phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân của biên tập viên phụ trách. Việc xử lý bản thảo chủ yếu thông qua trao đổi email khiến quá trình theo dõi tiến độ và lưu trữ hồ sơ biên tập gặp nhiều khó khăn. Các tạp chí khảo sát thường triển khai quy trình xử lý bài theo bốn bước: Bước 1: Kiểm tra chất lượng ban đầu của bài báo; Bước 2: Đánh giá của Hội đồng biên tập và chuyển phản biện; Bước 3: Phản biện; Bước 4: Ra quyết định. Hầu hết tạp chí áp dụng hình thức phản biện kín hai chiều nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch. Khâu điều phối phản biện là điểm nghẽn nổi bật trong quy trình xuất bản. Các tạp chí chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu phản biện viên ổn định, dẫn đến việc lựa chọn phản biện phụ thuộc nhiều vào mạng lưới quan hệ cá nhân. Bên cạnh đó, biểu mẫu phản biện và hệ tiêu chí đánh giá chưa được chuẩn hóa, khiến chất lượng và mức độ chi tiết của các bản nhận xét không đồng đều, gây khó khăn cho biên tập viên trong việc đưa ra quyết định cuối cùng. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ minh bạch quy trình phản biện chỉ đạt 2.95/5. Dù các tạp chí đều công bố sơ đồ quy trình trên website, song 58% tác giả cho biết không nhận được thông tin rõ ràng về thời gian từng vòng phản biện. Việc xử lý bản thảo còn phụ thuộc vào trao đổi thủ công qua email, khiến thời gian phản biện kéo dài, vượt quá khuyến nghị của nhiều hệ thống đánh giá quốc tế (AIC dưới 45 ngày). Tình trạng chậm trễ không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của tác giả mà còn làm giảm

tính cạnh tranh và uy tín học thuật của tạp chí trong môi trường xuất bản ngày càng chuyên nghiệp.

Hoạt động điều phối phản biện chưa được hỗ trợ bằng hệ thống tự động. 64% biên tập viên cho biết họ phải theo dõi tiến độ bằng bảng tính thủ công. Điều này không đáp ứng yêu cầu minh bạch và khả năng kiểm soát chu trình bình duyệt theo tiêu chuẩn COPE. Bên cạnh đó, hệ tiêu chí phản biện chưa thống nhất giữa các tạp chí và giữa các phản biện viên. Chỉ 39% phản biện viên sử dụng biểu mẫu chuẩn, dẫn tới sự thiếu nhất quán trong chất lượng nhận xét. Đây là điểm yếu cốt lõi cần chuẩn hóa để đáp ứng yêu cầu của các chuẩn quốc tế.

3.3. Chuẩn hóa bài báo và siêu dữ liệu

Chuẩn hóa hình thức bài báo và hệ thống trích dẫn là một trong những tiêu chí cốt lõi quyết định khả năng hội nhập và mức độ tin cậy học thuật của tạp chí khoa học. Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù nhiều tạp chí đã ban hành hướng dẫn dành cho tác giả, song mức độ tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về hình thức và trích dẫn vẫn còn hạn chế và thiếu đồng bộ.

Về hình thức trình bày, các vấn đề phổ biến được ghi nhận bao gồm tóm tắt chưa đáp ứng yêu cầu về độ dài và cấu trúc học thuật, đặc biệt đối với tóm tắt tiếng Anh; cấu trúc bài viết chưa thống nhất theo mô hình IMRaD và thông tin về tác giả, cơ quan công tác chưa được chuẩn hóa. Bên cạnh đó, nhiều tạp chí chưa công bố đầy đủ các quy định liên quan đến đạo đức xuất bản, như chính sách chống đạo văn, mức độ trùng lặp cho phép hay quy trình xử lý vi phạm đạo đức nghiên cứu, trong khi đây là những yêu cầu ngày càng được nhấn mạnh trong các khung đánh giá hiện hành (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025).

Đối với hệ thống trích dẫn và tài liệu tham khảo, khảo sát cho thấy việc áp dụng chuẩn APA vẫn còn mang tính hình thức ở không ít tạp chí. Danh mục tài liệu tham khảo trong nhiều bài báo chưa tuân thủ đầy đủ quy cách APA, thiếu sự thống nhất giữa các tài liệu và đặc biệt là bỏ sót mã định danh số (DOI) đối với các nguồn đã được cấp định danh. Những hạn chế này làm giảm khả năng truy vết, tự động hóa trích dẫn và ảnh hưởng trực tiếp đến việc lập chỉ mục cũng như đánh giá tác động học thuật của bài báo.

Theo các tiêu chí của VCI và ACI, chuẩn hóa hình thức bài báo không chỉ dừng ở yêu cầu trình bày mà còn bao gồm việc công bố rõ ràng thông tin tác giả và tổ chức, bảo đảm tóm tắt song ngữ, chuẩn hóa cấu trúc bài viết và tài liệu tham khảo theo các chuẩn quốc tế như APA hoặc ISO (VCI/ACI, 2023). Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy chỉ khoảng 40% số tạp chí được khảo sát cung cấp đầy đủ tóm tắt song ngữ, trong khi phần lớn còn lại chỉ công bố tóm tắt tiếng Việt hoặc tóm tắt tiếng Anh ở mức tối thiểu, chưa đáp ứng yêu cầu về nội dung và thuật ngữ học thuật.

Một số tạp chí đã có những bước tiến đáng ghi nhận trong chuẩn hóa hình thức và trích dẫn. Chẳng hạn, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng tương đối đầy đủ các yêu cầu về chuẩn hóa, bao gồm cấu trúc bài viết rõ ràng, danh mục tài liệu tham khảo thống nhất theo APA, cung cấp DOI cho bài báo và chuẩn hóa siêu dữ liệu. Việc tuân thủ các chuẩn này góp phần nâng cao khả năng tra cứu, mức độ minh bạch và giá trị đánh giá học thuật của các ấn phẩm.

Bảng 1. Đối chiếu các yêu cầu chuẩn quốc tế VCI/ACI – Thông tư 27/2025/TT-BKHCN – Thực trạng các tạp chí Việt Nam

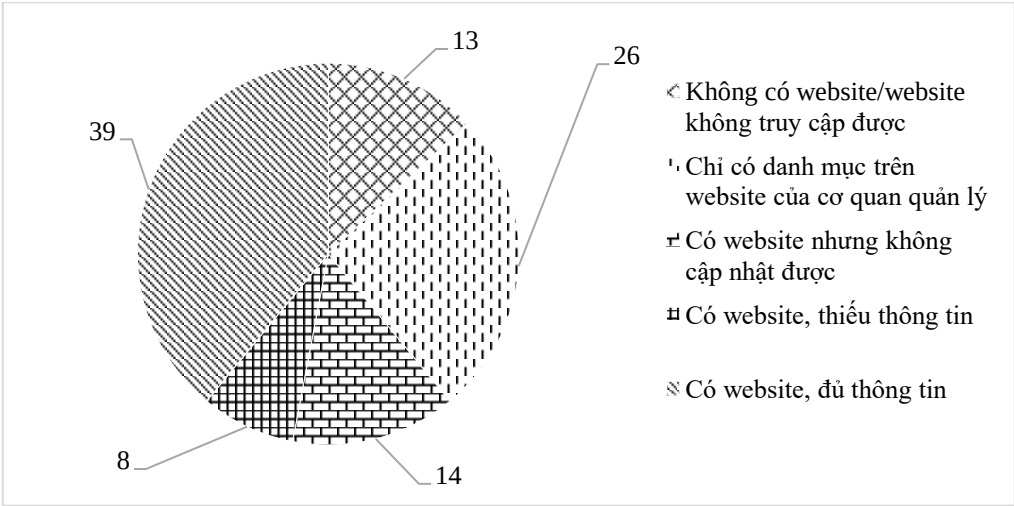
Nội dung/Tiêu chí	Yêu cầu VCI/ACI	Thông tư 27/2025/TT-BKHCN	Thực trạng Việt Nam
Quy trình phản biện	Minh bạch; công khai vai trò biên tập viên; phản biện độc lập	Yêu cầu công khai quy trình	Nhiều tạp chí chưa công khai đầy đủ; phản biện chủ yếu qua email

Nội dung/Tiêu chí	Yêu cầu VCI/ACI	Thông tư 27/2025/TT-BKHCN	Thực trạng Việt Nam
Thời gian xuất bản	Xuất bản đúng kỳ, có lịch biểu	Xuất bản theo giấy phép	Thường bị chậm kỳ
Hội đồng Biên tập	≥ 50% là chuyên gia độc lập; có thành viên quốc tế	Không quy định tỷ lệ nhưng khuyến khích mời chuyên gia ngoài	Thành viên chủ yếu nội bộ, rất ít quốc tế
Chuẩn hóa bài báo	Tóm tắt song ngữ, APA/ISO, cấu trúc IMRaD	Yêu cầu có cấu trúc rõ ràng	Trình bày không đồng nhất; thiếu tóm tắt tiếng Anh
Website – thông tin mở	Website tiếng Anh đầy đủ và cập nhật	Cung cấp thông tin cơ bản	Website tiếng Anh còn thiếu hoặc sơ sài
Theo dõi trích dẫn	Có thống kê trích dẫn, chỉ số ảnh hưởng	Không quy định nhưng khuyến khích	Phần lớn chưa thống kê trích dẫn

Bảng 1 trình bày kết quả đối chiếu giữa các yêu cầu chuẩn quốc tế của VCI/ACI, quy định tại Thông tư 27/2025/TT-BKHCN và thực trạng triển khai tại các tạp chí khoa học Việt Nam. Kết quả cho thấy tồn tại khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu và thực tiễn, đặc biệt ở các tiêu chí liên quan đến minh bạch quy trình phản biện, quốc tế hóa hội đồng biên tập, chuẩn hóa bài báo theo chuẩn APA/ISO và tính mở của website. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng hình thức của bài báo mà còn tác động trực tiếp đến khả năng hội nhập và vị thế của tạp chí khoa học Việt Nam trong hệ sinh thái xuất bản học thuật khu vực và quốc tế.

3.4. Hạ tầng số và mức độ ứng dụng công nghệ

Hạ tầng số và khả năng ứng dụng công nghệ là yếu tố then chốt phản ánh mức độ hiện đại hóa và năng lực hội nhập của tạp chí khoa học trong bối cảnh xuất bản học thuật số. Theo bộ tiêu chí xét duyệt tạp chí của hệ thống ASEAN Citation Index áp dụng từ năm 2024, một trong những điều kiện sơ loại bắt buộc là tạp chí phải có website tiếng Anh, cung cấp đầy đủ và cập nhật thường xuyên các thông tin cốt lõi như chính sách biên tập, quy trình phản biện, hướng dẫn tác giả, danh sách Ban Biên tập và thông tin về kỳ hạn xuất bản. Website không chỉ đóng vai trò là kênh công bố thông tin mà còn là công cụ bảo đảm tính minh bạch và khả năng kiểm chứng trong xuất bản học thuật (ASEAN Citation Index, 2024).

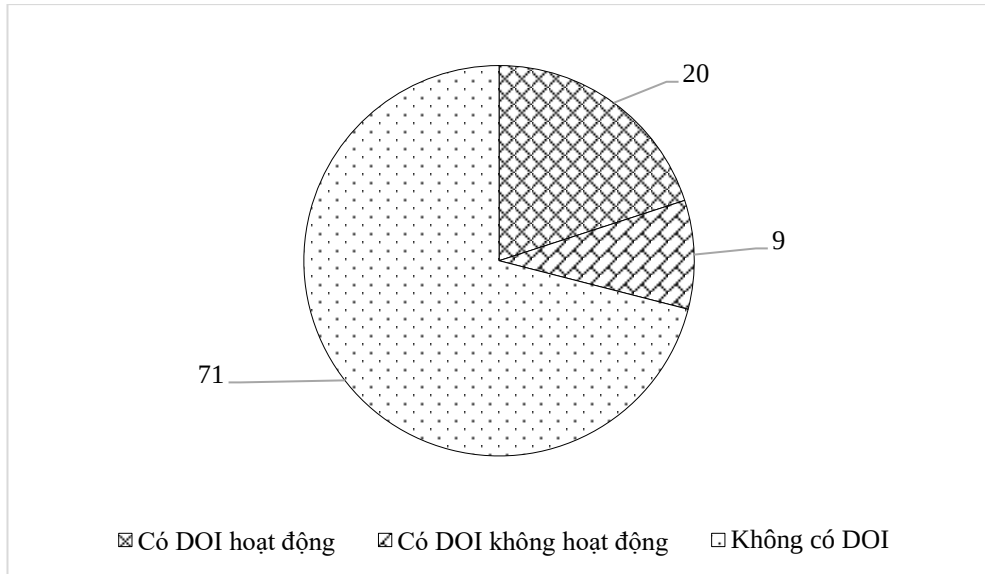


Hình 1 . Tình trạng website các tạp chí khoa học Việt Nam

(Nguồn: Nguyễn Phúc Quân, 2024)

Tuy nhiên, kết quả khảo sát và phân tích thực tiễn cho thấy phần lớn tạp chí khoa học Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu vận hành website bằng tiếng Việt; phiên bản tiếng Anh, nếu được xây dựng, thường chỉ mang tính hình thức, thiếu nội dung cốt lõi hoặc không được cập nhật đầy đủ. Thực trạng này được minh họa rõ qua hình 1, cho thấy tỷ lệ tạp chí đáp ứng đầy đủ yêu cầu về website tiếng Anh còn ở mức thấp (Nguyễn Phúc Quân, 2024). Hệ quả trực tiếp là nhiều tạp chí không vượt qua được vòng sơ loại của ACI, đồng thời làm giảm đáng kể khả năng tiếp cận của độc giả quốc tế và cơ hội tham gia các hệ thống chỉ mục khu vực và toàn cầu.

Bên cạnh yêu cầu về website, ACI cũng nhấn mạnh các tiêu chí liên quan đến công bố trực tuyến, tính mở và khả năng truy cập thông tin xuất bản. Các tiêu chí này bao gồm việc công khai và minh bạch hóa quy trình phản biện, công bố rõ ràng chính sách đạo đức xuất bản, cung cấp siêu dữ liệu đầy đủ cho từng bài báo và ứng dụng hạ tầng công nghệ nhằm nâng cao khả năng tra cứu, liên thông và trích dẫn học thuật (ASEAN Citation Index, 2024). Trong thực tế, nhiều tạp chí khoa học Việt Nam chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu này, đặc biệt ở khía cạnh chuẩn hóa siêu dữ liệu và tích hợp các công cụ hỗ trợ truy cập mở.



Hình 2. Tình trạng quản lý mã DOI các tạp chí khoa học Việt Nam

(Nguồn: Nguyễn Phúc Quân, 2024)

Một hạn chế nổi bật khác liên quan đến hạ tầng số là việc triển khai và quản lý mã định danh số DOI. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn tạp chí khoa học trong nước chưa cấp DOI cho toàn bộ bài báo, chưa vận hành hệ thống quản lý bài trực tuyến tích hợp và chưa được lập chỉ mục trong các cơ sở dữ liệu quốc tế. Hình 2 phản ánh rõ tình trạng quản lý DOI còn manh mún và thiếu đồng bộ tại nhiều tạp chí khoa học Việt Nam (Nguyễn Phúc Quân, 2024). Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng lan tỏa, mức độ

trích dẫn và vị thế học thuật của tạp chí trong hệ sinh thái xuất bản học thuật toàn cầu.

Ngoài ra, kết quả khảo sát cho thấy đa số tạp chí khoa học trong nước chưa xây dựng được hệ thống thống kê và phân tích trích dẫn ở cấp độ bài báo, trong khi đây là một yêu cầu quan trọng trong bộ tiêu chí đánh giá chỉ số ảnh hưởng của VCI và ACI. Việc thiếu cơ sở dữ liệu tích hợp phục vụ thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu trích dẫn khiến các tòa soạn gặp khó khăn trong việc theo dõi mức độ ảnh hưởng học thuật của

từng công trình cũng như nhận diện các xu hướng nghiên cứu nổi bật theo lĩnh vực.

Nguyên nhân sâu xa của hạn chế này bắt nguồn từ việc nhiều tạp chí chưa triển khai hệ thống quản lý bài trực tuyến có khả năng tạo và xuất siêu dữ liệu chuẩn hóa, đồng thời chưa áp dụng DOI một cách đồng bộ cho toàn bộ bài báo. Khi thiếu các yếu tố hạ tầng nền tảng này, tòa soạn không thể kết nối hiệu quả với các công cụ phân tích trích dẫn và các hệ thống lập chỉ mục mở, vốn được xem là căn cứ quan trọng để nâng cao chỉ số ảnh hưởng và chất lượng học thuật của tạp chí.

Trong bối cảnh Bộ Khoa học và Công nghệ tăng cường yêu cầu chuẩn hóa hoạt động xuất bản khoa học, đặc biệt là thống nhất định dạng siêu dữ liệu và phát triển hạ tầng số theo Thông tư 27/2025/TT-BKHCN, việc đầu tư xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu xuất bản, triển khai DOI đồng bộ và ứng dụng các công cụ phân tích trích dẫn trở thành yêu cầu cấp thiết. Đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà còn là nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực quản trị tạp chí và từng bước tiệm cận các chuẩn mực quốc tế trong xuất bản học thuật.

3.5. Khoảng cách giữa thực trạng và chuẩn quốc tế

Kết quả đối chiếu giữa thực tiễn tổ chức và quản trị xuất bản tạp chí khoa học tại Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế cho thấy tồn tại những khoảng cách đáng kể, mang tính hệ thống và liên thông giữa nhiều khía cạnh khác nhau. Các khoảng cách này không chỉ phản ánh sự thiếu hụt về kỹ thuật hay nguồn lực riêng lẻ, mà còn cho thấy hạn chế trong tư duy quản trị và mức độ chuyên nghiệp hóa hoạt động xuất bản khoa học. Có thể khái quát các khoảng cách chủ yếu ở bốn khía cạnh sau:

Thứ nhất, khoảng cách về mức độ minh bạch của quy trình phản biện. Các chuẩn mực quốc tế đều coi minh bạch là nguyên tắc nền tảng của xuất bản học thuật, thể hiện qua việc công bố rõ ràng quy trình phản biện, vai trò và trách

nhiệm của biên tập viên, cũng như các tiêu chí ra quyết định chấp nhận hay từ chối bài báo. Trong khi đó, thực tiễn tại nhiều tạp chí khoa học Việt Nam cho thấy quy trình phản biện chưa được chuẩn hóa và công khai đầy đủ, việc phản biện chủ yếu dựa trên trao đổi nội bộ hoặc qua email, khó kiểm chứng và thiếu cơ chế giám sát độc lập. Khoảng cách này làm suy giảm niềm tin học thuật và ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của tạp chí trong bối cảnh hội nhập.

Thứ hai, khoảng cách về chuẩn hóa bài báo và siêu dữ liệu. Chuẩn quốc tế không chỉ yêu cầu bài báo được trình bày theo cấu trúc thống nhất và tuân thủ chuẩn trích dẫn, mà còn đòi hỏi siêu dữ liệu phải đầy đủ, chính xác và có khả năng liên thông giữa các hệ thống xuất bản và cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, nhiều tạp chí khoa học Việt Nam mới dừng lại ở việc ban hành hướng dẫn hình thức, trong khi mức độ tuân thủ trên thực tế còn hạn chế. Việc thiếu chuẩn hóa đồng bộ khiến bài báo khó được lập chỉ mục, hạn chế khả năng truy xuất và làm giảm giá trị sử dụng học thuật của công bố khoa học.

Thứ ba, khoảng cách về mức độ quốc tế hóa. Các hệ thống đánh giá quốc tế đặt ra yêu cầu cao về sự tham gia của chuyên gia độc lập và chuyên gia quốc tế trong hội đồng biên tập, mạng lưới phản biện và cộng đồng tác giả. Trái lại, phần lớn tạp chí khoa học Việt Nam vẫn mang tính nội bộ cao, phạm vi tác giả và phản biện chủ yếu trong nước, ít có sự hiện diện của học giả quốc tế. Khoảng cách này không chỉ giới hạn khả năng tiếp cận các chuẩn mực học thuật tiên tiến mà còn làm thu hẹp tầm ảnh hưởng và khả năng lan tỏa tri thức của tạp chí.

Thứ tư, khoảng cách về năng lực hạ tầng số và quản trị dữ liệu xuất bản. Chuẩn quốc tế coi hạ tầng số là nền tảng để bảo đảm tính mở, khả năng truy cập và đo lường tác động học thuật của tạp chí. Trong khi đó, nhiều tạp chí khoa học ở Việt Nam chưa xây dựng được hệ thống hạ tầng số đủ mạnh để quản lý dữ liệu xuất bản, theo dõi

trích dẫn và phân tích chỉ số ảnh hưởng. Hạn chế này không chỉ cản trở việc tham gia các hệ thống chỉ mục quốc tế mà còn ảnh hưởng đến năng lực quản trị dựa trên dữ liệu của tòa soạn.

Những khoảng cách giữa thực trạng và chuẩn quốc tế trong tổ chức xuất bản tạp chí khoa học tại Việt Nam có tính chất liên kết chặt chẽ và mang tính cấu trúc. Các khoảng cách này không chỉ thể hiện ở từng khía cạnh kỹ thuật riêng lẻ mà phản ánh hạn chế tổng thể về năng lực quản trị, mức độ chuyên nghiệp hóa và khả năng hội nhập của các tạp chí khoa học trong nước. Do đó, việc thu hẹp các khoảng cách này không thể đạt được thông qua các giải pháp đơn lẻ ở từng khâu, mà đòi hỏi một chiến lược cải thiện đồng bộ, kết hợp giữa hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản trị, đầu tư hạ tầng số và thúc đẩy quốc tế hóa hoạt động xuất bản khoa học.

Thứ nhất, tồn tại khoảng cách đáng kể về năng lực quản trị xuất bản theo chuẩn quốc tế. Trong khi các hệ thống đánh giá như VCI, ACI hay Scopus nhấn mạnh tính minh bạch, chuẩn hóa và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ quy trình xuất bản, nhiều tạp chí khoa học Việt Nam mới chỉ đáp ứng yêu cầu ở mức hình thức. Quy trình phân biện, cơ chế ra quyết định biên tập và công bố thông tin quản trị chưa được thiết kế theo hướng chuẩn hóa và kiểm chứng được, dẫn đến sự khác biệt lớn so với thông lệ quốc tế.

Thứ hai, khoảng cách về năng lực số hóa và quản trị dữ liệu học thuật vẫn là rào cản lớn đối với quá trình hội nhập. Các chuẩn quốc tế đòi hỏi tạp chí phải vận hành trên nền tảng số hiện đại, có khả năng tạo lập, quản lý và kết nối siêu dữ liệu học thuật nhằm phục vụ lập chỉ mục, đo lường tác động và truy cập mở. Trong khi đó, nhiều tạp chí trong nước chưa hình thành được hệ thống quản trị dữ liệu đồng bộ, khiến việc tham gia các hệ sinh thái xuất bản học thuật khu vực và toàn cầu gặp nhiều hạn chế.

Thứ ba, khoảng cách về mức độ quốc tế hóa thể hiện rõ ở cấu trúc Hội đồng Biên tập, mạng lưới phân biện và đối tượng độc giả. So với yêu

cầu về sự tham gia của chuyên gia độc lập và chuyên gia quốc tế trong các hệ thống đánh giá quốc tế, phần lớn tạp chí khoa học Việt Nam vẫn mang tính nội bộ cao, phạm vi ảnh hưởng học thuật còn hẹp và chưa thu hút được sự quan tâm rộng rãi từ cộng đồng nghiên cứu quốc tế.

Thứ tư, khoảng cách về minh bạch và đo lường ảnh hưởng học thuật là một trong những hạn chế cốt lõi. Các chuẩn mực quốc tế ngày càng coi trọng việc công bố dữ liệu trích dẫn, chỉ số ảnh hưởng và các công cụ phân tích học thuật như một phần của quản trị tạp chí. Tuy nhiên, nhiều tạp chí khoa học Việt Nam chưa coi đây là một yêu cầu bắt buộc trong quản lý xuất bản, dẫn đến việc khó đánh giá khách quan chất lượng và tác động của các công trình đã công bố.

Tổng hợp các khoảng cách nêu trên cho thấy, thách thức lớn nhất đối với hệ thống tạp chí khoa học Việt Nam không chỉ nằm ở việc đáp ứng từng tiêu chí kỹ thuật cụ thể, mà ở việc chuyển đổi mô hình quản trị xuất bản theo hướng chuyên nghiệp, dựa trên dữ liệu và tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

3.6. Một số vấn đề đặt ra

Từ kết quả phân tích thực trạng tổ chức và quản trị xuất bản tạp chí khoa học ở Việt Nam cũng như các khoảng cách so với chuẩn mực quốc tế, có thể nhận diện một số vấn đề cốt lõi mang tính chiến lược mà hệ thống tạp chí khoa học trong nước đang phải đối mặt.

Thứ nhất, vấn đề về tư duy và mô hình quản trị xuất bản. Phần lớn tạp chí khoa học Việt Nam hiện vẫn vận hành theo mô hình hành chính - sự vụ, coi xuất bản là nhiệm vụ bổ trợ hơn là một hoạt động học thuật chuyên nghiệp. Trong khi đó, các chuẩn mực quốc tế tiếp cận xuất bản khoa học như một hệ thống quản trị tri thức, đòi hỏi tầm nhìn dài hạn, cơ chế ra quyết định minh bạch và trách nhiệm giải trình rõ ràng. Sự khác biệt về tư duy này là nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng triển khai các yêu cầu chuẩn hóa và hội nhập mang tính đối phó, thiếu tính bền vững.

Thứ hai, vấn đề về nguồn lực và năng lực thực thi. Việc nâng cao chất lượng xuất bản theo chuẩn

quốc tế đòi hỏi đội ngũ biên tập viên có kiến thức chuyên sâu về xuất bản học thuật, đạo đức nghiên cứu, quản trị dữ liệu và công nghệ số. Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều tạp chí khoa học Việt Nam đang thiếu hụt nguồn nhân lực chuyên trách, kiêm nhiệm nhiều vị trí và chưa được đào tạo bài bản. Hạn chế về nguồn lực tài chính cũng khiến các tạp chí gặp khó khăn trong việc đầu tư hạ tầng số, triển khai DOI, hệ thống quản lý bài trực tuyến và các công cụ phân tích trích dẫn.

Thứ ba, vấn đề về tính liên thông và phối hợp hệ thống. Hoạt động xuất bản khoa học hiện nay chịu sự điều chỉnh của nhiều cơ quan quản lý và khung chính sách khác nhau, trong khi cơ chế phối hợp và hỗ trợ còn phân tán. Việc thiếu một hệ sinh thái xuất bản học thuật thống nhất khiến các tạp chí phải tự xoay xở trong quá trình chuẩn hóa, dẫn đến sự không đồng đều về chất lượng và mức độ đáp ứng chuẩn mực quốc tế giữa các lĩnh vực và cơ sở đào tạo.

Thứ tư, vấn đề về động lực và cơ chế khuyến khích. Mặc dù các chuẩn đánh giá ngày càng được hoàn thiện, song cơ chế gắn kết giữa chất lượng tạp chí với lợi ích cụ thể của đơn vị chủ quản, Ban Biên tập và tác giả vẫn chưa thực sự rõ ràng. Khi thiếu các cơ chế khuyến khích đủ mạnh, việc đầu tư cho chuẩn hóa xuất bản và hội nhập quốc tế khó trở thành ưu tiên chiến lược lâu dài của nhiều tạp chí.

Thứ năm, vấn đề về cân bằng giữa chuẩn hóa quốc tế và bối cảnh trong nước. Việc tiệm cận các chuẩn mực quốc tế là xu hướng tất yếu, tuy nhiên nếu áp dụng máy móc, không tính đến đặc thù về nguồn lực, ngôn ngữ và lĩnh vực nghiên cứu, có thể tạo áp lực quá lớn cho các tạp chí khoa học trong nước. Do đó, bài toán đặt ra là làm thế nào để xây dựng lộ trình chuẩn hóa phù hợp, vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập, vừa bảo đảm tính khả thi và phát triển bền vững của hệ thống tạp chí khoa học Việt Nam.

Những vấn đề nêu trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải tiếp cận việc nâng cao chất lượng xuất

bản tạp chí khoa học không chỉ như một nhiệm vụ kỹ thuật, mà như một quá trình cải cách toàn diện về quản trị, nguồn lực và chính sách.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích một cách hệ thống thực trạng tổ chức và quản trị xuất bản tạp chí khoa học ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập học thuật. Kết quả cho thấy, mặc dù hệ thống tạp chí khoa học trong nước đã có những bước tiến nhất định về quy mô và mức độ tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế so với các chuẩn mực quốc tế. Các hạn chế này thể hiện rõ ở mức độ minh bạch của quy trình phản biện, mức độ chuẩn hóa bài báo và siêu dữ liệu, năng lực hạ tầng số, mức độ quốc tế hóa cũng như cơ chế quản trị và đo lường ảnh hưởng học thuật.

Những khoảng cách giữa thực trạng và chuẩn quốc tế không chỉ mang tính kỹ thuật mà có bản chất là vấn đề quản trị và chính sách. Việc cải thiện chất lượng xuất bản tạp chí khoa học vì vậy cần được tiếp cận như một quá trình cải cách tổng thể, gắn với đổi mới mô hình quản trị, nâng cao năng lực đội ngũ, đầu tư hạ tầng số và hoàn thiện cơ chế khuyến khích phù hợp. Đây là tiền đề quan trọng để các tạp chí khoa học ở Việt Nam từng bước nâng cao vị thế, tăng khả năng hội nhập và đóng góp hiệu quả hơn cho hệ sinh thái tri thức quốc gia.

5.2. Kiến nghị

Trên cơ sở các vấn đề đặt ra ở trên, bài viết đề xuất một số kiến nghị trọng tâm nhằm thu hẹp khoảng cách giữa thực trạng và chuẩn mực quốc tế trong tổ chức và quản trị xuất bản tạp chí khoa học tại Việt Nam:

Thứ nhất, đổi mới tư duy và mô hình quản trị xuất bản tạp chí khoa học. Các cơ quan chủ quản cần chuyển từ cách tiếp cận hành chính sang mô hình quản trị học thuật chuyên nghiệp, coi xuất bản khoa học là một hoạt động cốt lõi trong chiến lược phát triển nghiên cứu. Điều này đòi hỏi xác lập rõ

vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của Ban Biên tập, đồng thời tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ quy trình xuất bản.

Thứ hai, nâng cao năng lực đội ngũ và bảo đảm nguồn lực cho hoạt động xuất bản. Cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ biên tập viên về xuất bản học thuật, đạo đức nghiên cứu, quản trị dữ liệu và công nghệ số. Bên cạnh đó, cần có cơ chế bảo đảm nguồn lực tài chính ổn định để đầu tư hạ tầng số, triển khai các hệ thống quản lý bài trực tuyến, DOI và các công cụ hỗ trợ phân tích trích dẫn.

Thứ ba, tăng cường tính liên thông và phối hợp trong hệ sinh thái xuất bản khoa học. Các cơ quan quản lý cần xây dựng cơ chế phối hợp thống nhất nhằm hỗ trợ tạp chí trong việc chuẩn hóa quy trình, chia sẻ hạ tầng và dữ liệu, cũng như kết nối với các hệ thống đánh giá và chỉ mục trong nước và quốc tế. Việc hình thành một hệ

sinh thái xuất bản học thuật đồng bộ sẽ góp phần giảm sự phân tán nguồn lực và nâng cao chất lượng chung của các tạp chí khoa học.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế khuyến khích gắn với chất lượng xuất bản. Cần thiết lập các cơ chế đánh giá và khen thưởng gắn với chất lượng và mức độ hội nhập của tạp chí khoa học, qua đó tạo động lực cho ban biên tập và tác giả đầu tư cho chuẩn hóa và nâng cao chất lượng học thuật. Các tiêu chí đánh giá nên được công bố rõ ràng và có lộ trình áp dụng phù hợp.

Thứ năm, xây dựng lộ trình chuẩn hóa linh hoạt và phù hợp với bối cảnh trong nước. Việc tiệm cận các chuẩn mực quốc tế cần được thực hiện theo lộ trình, có phân loại tạp chí theo lĩnh vực và mức độ phát triển, tránh áp dụng cứng nhắc. Lộ trình này cần bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu hội nhập quốc tế và điều kiện thực tế về nguồn lực, ngôn ngữ và đặc thù nghiên cứu tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ASEAN Citation Index (ACI). (2024). *Tiêu chí lựa chọn và đánh giá tạp chí khoa học trong hệ thống ACI*. <https://asean-cites.org>
- Björk, B.-C. (2017). *Tương lai của xuất bản tạp chí khoa học*. Learned Publishing, 30(3), 173 - 181. <https://doi.org/10.1002/leap.1094>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *Báo cáo tổng quan về tạp chí khoa học thuộc các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam*. Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2025). *Thông tư số 27/2025/TT-BKHCN quy định về bài báo khoa học và đánh giá, xếp loại tạp chí khoa học Việt Nam*. Hà Nội: Bộ Khoa học và Công nghệ. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=215793>
- Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). *Hướng dẫn về xuất bản báo chí và tạp chí khoa học trong môi trường số*. Hà Nội: Bộ Thông tin và Truyền thông. <https://mic.gov.vn>
- Crossref. (2024). *Hướng dẫn tạo lập và quản lý mã định danh số DOI*. <https://www.crossref.org/documentation/register-maintain-records/creating-and-managing-DOIs/>
- Directory of Open Access Journals (DOAJ). (2018). *Nguyên tắc minh bạch và thực hành tốt trong xuất bản học thuật*. <https://doaj.org/apply/transparency/>
- Đào, N. V. (2020). Đạo đức học thuật và chuẩn mực công bố khoa học. *Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Quốc gia Hà Nội*, 36(4), 32-45. <https://js.vnu.edu.vn>
- Đinh, V. P. (2022). Quản lý quy trình phản biện trong tạp chí khoa học: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Thông tin & Tư liệu*, 3, 12-20.
- Elsevier. (2024). *Chính sách nội dung và tiêu chí lựa chọn tạp chí của Scopus*. <https://www.elsevier.com/products/scopus/content/content-policy-and-selection>

- Hội đồng Giáo sư Nhà nước. (2024). *Quy định về tạp chí khoa học được tính điểm công trình*. Hà Nội: Hội đồng Giáo sư Nhà nước. <https://hdgsnn.gov.vn>
- Larivière, V., Haustein, S., & Mongeon, P. (2015). *Ngành xuất bản học thuật trong kỷ nguyên số*. PLoS ONE, 10(6), e0127502. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0127502>
- Nguyễn, Q. T. (2022). Hội nhập quốc tế trong xuất bản khoa học: Cơ hội và thách thức đối với tạp chí Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 5, 75-84.
- Nguyễn, T. T. H. (2023). Xây dựng và vận hành hệ thống nộp bài trực tuyến OJS tại các tạp chí khoa học Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 68(2), 56-66.
- Nguyễn, V. D. (2021). Chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản khoa học. *Tạp chí Thông tin và Truyền thông*, 6, 15-22.
- Phạm, T. H. (2021). Chuẩn hóa hình thức bài báo khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 24(4), 101–110.
- Solomon, D. J., & Björk, B.-C. (2012). Hệ thống xuất bản truy cập mở: Mô hình kinh doanh và tác động học thuật. *Journal of the American Society for Information Science and Technology*, 63(8), 1485-1500. <https://doi.org/10.1002/asi.22673>
- Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. (2023). Hướng dẫn tác giả và quy trình biên tập - phản biện. Hà Nội: *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. <https://vjol.info.vn>
- Tennant, J. P., et al. (2017). Hệ thống phản biện khoa học: Tổng quan và định hướng cải tiến. *F1000Research*, 6, 1151. <https://doi.org/10.12688/f1000research.11369.3>
- Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO). (2021). *Khuyến nghị của UNESCO về khoa học mở*. <https://en.unesco.org/science-sustainable-future/open-science/recommendation>
- Trần, M. K. (2020). Chuẩn trích dẫn APA trong công bố khoa học: Ứng dụng tại Việt Nam. *Tạp chí Thông tin & Tư liệu*, 2, 45-53.
- Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia. (2022). *Báo cáo hiện trạng xuất bản khoa học Việt Nam trong bối cảnh hội nhập*. Hà Nội: Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia. <https://thongke.cesti.gov.vn>
- Ủy ban Đạo đức Xuất bản (COPE). (2019). *Tài liệu thảo luận: Quyền tác giả trong xuất bản học thuật*. COPE. <https://publicationethics.org/resources/discussion-documents/authorship>
- Ủy ban Đạo đức Xuất bản (COPE); Directory of Open Access Journals (DOAJ); Hiệp hội các nhà xuất bản học thuật truy cập mở (OASPA); Hiệp hội các biên tập viên y học thế giới (WAME). (2022). *Nguyên tắc minh bạch và thực hành tốt trong xuất bản học thuật* (Phiên bản 4). <https://doi.org/10.24318/cope.2019.1.12>
- Ủy ban Quốc tế các Tổng biên tập Tạp chí Y học (ICMJE). (2025). *Khuyến nghị về thực hiện, báo cáo, biên tập và công bố các công trình học thuật trong tạp chí khoa học*. <https://www.icmje.org/recommendations/>
- Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. (2023). *Tạp chí khoa học Việt Nam: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng*. Hà Nội. <https://vast.gov.vn>
- Wager, E. (2012). Hướng dẫn của Ủy ban Đạo đức Xuất bản (COPE) trong quản lý và biên tập tạp chí khoa học. *European Science Editing*, 38(4), 88-89. <https://europeanscienceediting.eu/articles/guidance-from-the-committee-on-publication-ethics-cope/>
- Ware, M., & Mabe, M. (2015). *Ngành công nghiệp xuất bản học thuật*. London: International Association of Scientific, Technical and Medical Publishers. https://www.stm-assoc.org/2015_02_20_STM_Report_2015.pdf